

Bản án số: 51/2023/HS-ST  
Ngày 27/12/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Thăng Bắc

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bào Kim Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Trọng Hữu, bà Nguyễn Thị Hồng N - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2023/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **La Văn K** (*tên gọi khác: Không*), sinh ngày 10 tháng 01 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông La Văn H và con bà Hoàng Thị T; Vợ: Nguyễn Thị T1; con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2023 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. **Nông Văn T2** (*tên gọi khác: Không*), sinh ngày 03 tháng 02 năm 1980 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Đình C và con bà Hoàng Thị B (Đều đã chết); Vợ, con: Không có. Nhân thân: Tại bản án số: 16/HSST ngày 11/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại bản án số: 09/2011/HSST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt 09 (Chín) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã được xóa án tích. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2023 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

\* Người bào chữa cho bị cáo **La Văn K**: Ông **Đình Xuân D** - Trợ giúp viên pháp lý **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B**, có mặt.

\* Người có quyền lợi liên quan: Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1992; Trú tại: **Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**, có mặt.

\* *Người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* - Anh **Nông Văn P** - sinh năm 1994. Trú tại: **Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 13/7/2023, **La Văn K** đi bộ sang nhà **Nông Văn Thành** ở cùng **thôn N, xã M, huyện B** gặp **Nông Văn T2**, **La Văn K** hỏi mua ma túy và đưa cho **Nông Văn T2** số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) gồm 06 tờ mệnh giá 100.000đ, **Nông Văn T2** đưa cho **La Văn K** 04 gói ma túy. Sau đó **La Văn K** đi về nhà lấy 01 gói trích một ít ra sử dụng, phần ma túy chưa sử dụng hết **La Văn K** gói lại và để vào túi quần đang mặc, đến trưa cùng ngày có **Nông Văn P**, sinh năm 1994 trú cùng thôn gọi điện cho **La Văn K** hỏi mua 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) ma túy, **La Văn K** đồng ý bán và hẹn địa điểm mua bán tại đoạn đường vào **thôn M, xã M, huyện B** rồi **La Văn K** đi xe mô tô BKS 99F6 - 7376 đến chỗ hẹn với **Nông Văn P**, khi đi đến đoạn đường thuộc **thôn K, xã M, huyện B** thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh B** đang làm nhiệm vụ tại **xã M** phát hiện, bắt quả tang và thu giữ được tại túi quần phía trước bên phải đang mặc của **La Văn K** 02 gói đều được gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong mỗi gói đều chứa chất dạng cục, bột màu trắng nghi là ma túy (niêm phong vào phong bì ký hiệu A1); số tiền 200.000đ (niêm phong vào phong bì ký hiệu C1); thu giữ tại túi quần phía sau bên phải đang mặc 01 túi nilon loại túi zip, bên trong có 02 gói đều được gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong mỗi gói đều chứa chất dạng cục, bột màu trắng nghi là ma túy (niêm phong vào phong bì ký hiệu A2); Thu giữ tại túi quần phía trước bên trái đang mặc 02 điện thoại di động, trong đó: 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA (niêm phong vào phong bì ký hiệu B1), 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI (niêm phong vào phong bì ký hiệu B2); Ngoài ra, còn tạm giữ của **La Văn K** 01 xe mô tô BKS 99F6 - 7376 màu nâu đen, xe đã qua sử dụng. **La Văn K** thừa nhận số chất bột màu trắng thu giữ được là ma túy, loại Heroine, nguồn gốc số ma túy bị thu giữ **La Văn K** mua với **Nông Văn T2**, trú tại **thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**.

Cơ quan điều tra **Công an tỉnh B** tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở và các công trình phụ cận có liên quan của **La Văn K** ở **thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**: Kết quả khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Sau khi thu thập các tài liệu chứng cứ về hành vi của **Nông Văn T2**, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp đối với **Nông Văn T2** ở **thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Quá trình khám xét, thu giữ tại túi



quần bên trái đang mặc của **Nông Văn T2** 01 túi nilon dạng túi Zip bên trong có 27 gói nhỏ, mỗi gói đều được gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong mỗi gói đều chứa chất dạng cục, bột màu trắng nghi là ma túy (niêm phong vào phong bì ký hiệu T1), ngoài ra còn phát hiện, tạm giữ của **Nông Văn T2** tại túi quần phía sau bên phải đang mặc số tiền 2.370.000đ (niêm phong vào phong bì ký hiệu T2), tại trên giường trong phòng ngủ 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màn hình cảm ứng, màu trắng (niêm phong vào phong bì ký hiệu T3), tại tủ quần áo trong phòng ngủ số tiền 9.000.000đ (niêm phong vào phong bì ký hiệu T4), tại bàn uống nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, màu đen (niêm phong vào phong bì ký hiệu T6) và **Nông Văn T2** tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA có bàn phím, màu đen (niêm phong vào phong bì ký hiệu T5).

Tiến hành mở niêm phong phong bì ký hiệu A1 để cân xác định khối lượng chất dạng cục, bột màu trắng nghi là ma túy (heroin) thu giữ của **La Văn K** được 0,098g (Không phải không chín tám gam), đã niêm phong vào phong bì ký hiệu M1 để gửi giám định; Tiến hành mở niêm phong phong bì ký hiệu A2 để cân xác định khối lượng chất dạng cục, bột màu trắng nghi là ma túy (heroin) thu giữ của **La Văn K** được 0,126g (Không phải một hai sáu gam), đã niêm phong vào phong bì ký hiệu M2 để gửi giám định; vỏ phong bì ký hiệu A1, A2, túi nilon giấy gói cũ niêm phong vào phong bì ký hiệu M3 bảo quản theo quy định.

Tiến hành mở niêm phong phong bì ký hiệu T1 để cân xác định khối lượng chất dạng cục, bột màu trắng nghi là ma túy (heroin) thu giữ của **Nông Văn T2** được 1,24g (Một phẩy hai tư gam), đã niêm phong vào phong bì ký hiệu K1 để gửi giám định; phong bì, túi nilon, giấy gói cũ niêm phong vào phong bì ký hiệu K2 bảo quản theo quy định.

Kết luận giám định số 237/KL-KTHS ngày 20/7/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh B** kết luận: *Mẫu chất dạng cục bột có trong các phong bì ký hiệu K1, M1, M2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine; Mẫu chất dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu K1 có khối lượng là 1,24 gam; Mẫu chất dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu M1 có khối lượng là 0,098 gam; Mẫu chất dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu M2 có khối lượng là 0,126 gam. Mẫu vật còn lại sau giám định cùng phong bì, bao gói cũ được niêm phong trong phong bì ký hiệu T136 và hoàn trả lại cho Cơ quan trưng cầu.*

Quá trình giải quyết vụ án **Nông Văn P** thừa nhận ngày 13/7/2023 được hẹn với **La Văn K** để mua ma túy, tuy nhiên chưa kịp mua thì **La Văn K** đã bị bắt và trước đó **Nông Văn P** được mua ma túy với **La Văn K** 02 lần, cụ thể vào các ngày 09 và 11/7/2023 mỗi lần mua 01 gói với giá 200.000đ.

Bị cáo **La Văn K** thừa nhận: Bản thân là người nghiện ma túy và được bán ma túy để kiếm lời, nguồn gốc ma túy **La Văn K** có để sử dụng và bán đều mua với **Nông Văn T2**, ngoài lần mang ma túy đi bán cho **Nông Văn P** vào buổi trưa ngày 13/7/2023 bị bắt quả tang thì trước đó **La Văn K** đã bán cho **Nông Văn P** 02 lần vào các ngày 09 và 11/7/2023 mỗi lần 01 gói với giá 200.000đ đều tại sân nhà họ

thôn N, xã M, huyện B, mỗi lần mua được ma túy từ Nông Văn T2 để bán cho Nông Văn P bị cáo đều trích lại một phần ma túy để bản thân sử dụng. Số ma túy bị thu giữ khi bị bắt quả tang, bị cáo để sử dụng và bán kiếm lời, ngoài lần mua ma túy vào ngày 13/7/2023 với Nông Văn T2 thì trước đó vào các ngày 09, 10, 11, 12/7/2023 bị cáo được mua ma túy với Nông Văn T2 mỗi ngày 01 gói, mỗi gói đều với giá 200.000đ, ngày 12/7/2023 mua 02 gói mỗi gói đều với giá 200.000đ.

Bị cáo Nông Văn T2 khai nhận: Ngoài lần bán cho La Văn K 04 gói ma túy với giá 600.000đ vào ngày 13/7/2023 thì trước đó còn được bán ma túy cho La Văn K 05 lần đều tại nhà của bị cáo, cụ thể vào các ngày 09, 10, 11/7/2023 bán cho La Văn K mỗi ngày 01 lần, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000đ; Ngày 12/7/2023 bán cho La Văn K 02 lần mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000đ. Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ và bán cho La Văn K bị cáo mua với một người đàn ông không quen biết tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh vào khoảng đầu tháng 7/2023 với số tiền 3.000.000đ, mua về bị cáo có chia ra thành nhiều gói nhỏ để bản thân sử dụng và bán cho La Văn K để kiếm lời.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT-VKSBB ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo La Văn K, Nông Văn T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung như sau:

*“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

*a) ....*

*b) Phạm tội 02 lần trở lên*

*.....*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo La Văn K, Nông Văn T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50/BLHS.



+ Xử phạt bị cáo **La Văn K** từ 07 - 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2023.

+ Xử phạt bị cáo **Nông Văn T2** từ 08 - 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2023.

+ Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251/BLHS

\* Đối với bị cáo **Nông Văn T2** đề nghị xử phạt từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

\* Đối với bị cáo **La Văn K** gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, không có tài sản riêng, nên miễn hình phạt bổ sung.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 29, Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ luật Dân sự.

+ Tạm giữ số tiền trong phong bì niêm phong bên trong có số tiền: 11.570.000đ để đảm bảo thi hành án, trong đó của **La Văn K**: 200.000đ và của **Nông Văn T2** 11.370.000đ.

+ Tịch thu tiêu hủy: **01** phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T136 bên trong phong bì có chứa: Mẫu vật còn lại sau giám định và phong bì, bao gói cũ. Mặt trước phong bì có ghi “Mẫu hoàn trả sau giám định vụ: **La Văn K** (1990) và **Nông Văn T2** (1980) cùng trú tại **N - M - B - Bắc Kạn** mua bán trái phép chất ma túy, mặt sau có 03 chữ ký không đọc được cùng 02 dấu tròn của **Phòng K1 Công an tỉnh B**. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; **01** phong bì ký hiệu M3, mặt trước ghi “Phong bì, giấy cũ thu giữ của **La Văn K**”, mặt sau có 05 (Năm) chữ ký không đọc được, 01 (Một) chữ ký “**Khiêm**” đọc được, 01 dòng chữ “**Nông Thị Quế**”, 01 dòng chữ “**La Văn K**”, 01 dòng chữ “**Trần Văn Đ**” và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B**. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn; **01** phong bì ký hiệu K2, mặt trước ghi “Phong bì, giấy cũ thu giữ của **Nông Văn T2**”, mặt sau có 05 (Năm) chữ ký không đọc được, 01 (Một) chữ ký “**Thành**” đọc được, 01 dòng chữ “**Nông Văn T2**”, 01 dòng chữ “**Nông Thị Q**”, 01 dòng chữ “**Trần Văn Đ**” và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B**. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn; 01 quyển vở có dòng kẻ ngang; 01 dao lam thu giữ tại nhà của **Nông Văn T2**.

+ Tạm giữ 01 điện thoại di động, có bàn phím màu xanh trắng, nhãn hiệu NOKIA, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K**;

+ Tịch thu để hóa giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu REDMI, màn hình có vết nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K**.

+ Tạm giữ 01 xe mô tô BKS: 99F6 - 7376, tại buồng máy có in chữ “**SAN YANG MOTO TAI WAN**”, màu nâu đen, xe cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K** để hóa giá tịch thu 1/2 giá trị xe để sung quỹ nhà nước, 1/2 giá trị còn lại trả lại cho vợ bị cáo.

+ Tạm giữ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen trắng, mặt sau có in chữ HUAWEI; 01 điện thoại di động có bàn phím, màu đen, mặt trước và mặt sau có chữ NOKIA; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có in chữ OPPO, tất cả đều là điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **Nông Văn T2** để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại 01 điện thoại di động có bàn phím màu xanh đen, mặt trước và mặt sau có in chữ Masstel, điện thoại cũ đã qua sử dụng cho **Nông Văn P.**

\* Đối với số tiền bán ma túy trái phép của các bị cáo cần phải truy thu:

+ Buộc bị cáo **La Văn K** phải nộp lại số tiền bán ma túy trái phép là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

+ Buộc bị cáo **Nông Văn T2** phải nộp lại số tiền bán ma túy trái phép là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Gia đình bị cáo **La Văn K** là hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn tiền án phí cho nên bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Nông Văn T2** phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo **La Văn K** có mặt tại phiên tòa, cho rằng: Về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên, xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo, trình độ nhận thức và hiểu biết về pháp luật còn thấp. Do đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bê, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo **La Văn K** xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

- Bị cáo **Nông Văn T2** xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện B**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,



quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Theo các biên bản lời khai của các bị cáo, người làm chứng trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa: Trong các ngày 09 và 11/7/2023 La Văn K đã có hành vi bán ma túy cho Nông Văn P 02 lần mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000đ đều tại sân nhà hợp thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 13/7/2023 khi La Văn K đang trên đường đem ma túy đi bán cho Nông Văn P thì bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang tại thôn K, xã M, huyện B. Mở rộng điều tra cơ quan điều tra đã xác định được nguồn gốc ma túy La Văn K bán cho Nông Văn P là mua với Nông Văn T2, nhà ở thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Nông Văn T2 thừa nhận được bán ma túy cho La Văn K 06 lần tại nhà riêng, cụ thể: Các ngày 09, 10, 11/7/2023 Nông Văn T2 đã bán cho La Văn K mỗi ngày 01 lần, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000đ; Ngày 12/7/2023 Nông Văn T2 đã bán cho La Văn K 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000đ; Ngày 13/7/2023 Nông Văn T2 đã bán cho La Văn K 01 lần 04 gói ma túy với giá 600.000đ. Nguồn gốc ma túy Nông Văn T2 mua với một người đàn ông không quen biết ở huyện T, tỉnh Bắc Ninh vào đầu tháng 7/2023 với số tiền 3.000.000đ, Nông Văn T2 đem về chia nhỏ để bản thân sử dụng và bán kiếm lời, còn La Văn K khi mua được ma túy với Nông Văn T2 đem bán cho Nông Văn P, bị cáo lấy gói ma túy chia để sử dụng một phần, một phần gói lại bán cho Nông Văn P để kiếm lời.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là độc lập nên không có tính chất đồng phạm. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã cấu thành tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên.*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, các bị cáo La Văn K, Nông Văn T2 đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an ở địa phương, cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo La Văn K có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo Nông Văn T2 có nhân thân xấu, tại bản án số: 16/HSST ngày 11/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại bản án số: 09/2011/HSST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt 09 (C1) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:



- Đối với bị cáo **La Văn K**: Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo **La Văn K** đã hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật của **Nông Văn T2** và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, cho nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*", "*người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*" được quy định tại điểm s, t khoản 1 điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo **Nông Văn T2**: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, cho nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*"; được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51/BLHS.

Do tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần phải có thời gian cải tạo đối với các bị cáo, mới giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra có thu giữ và tạm giữ:

- 01 phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T136 bên trong phong bì có chứa: Mẫu vật còn lại sau giám định và phong bì, bao gói cũ. Mặt trước phong bì có ghi "Mẫu hoàn trả sau giám định vụ: **La Văn K** (1990) và **Nông Văn T2** (1980) cùng trú tại **N - M - B - Bắc Kạn** mua bán trái phép chất ma túy, mặt sau có 03 chữ ký không đọc được cùng 02 dấu tròn của **Phòng K1 Công an tỉnh B**. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

- 01 phong bì ký hiệu M3, mặt trước ghi "Phong bì, giấy cũ thu giữ của **La Văn K**", mặt sau có 05 (Năm) chữ ký không đọc được, 01 (Một) chữ ký "Khiêm" đọc được, 01 dòng chữ "Nông thị Quế", 01 dòng chữ "**La Văn K**", 01 dòng chữ "**Trần Văn Đ**" và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B**. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn.

- 01 phong bì ký hiệu K2, mặt trước ghi "Phong bì, giấy cũ thu giữ của **Nông Văn T2**", mặt sau có 05 (Năm) chữ ký không đọc được, 01 (Một) chữ ký "Thành" đọc được, 01 dòng chữ "**Nông Văn T2**", 01 dòng chữ "**Nông Thị Q**", 01 dòng chữ "**Trần Văn Đ**" và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B**. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn.

- 01 điện thoại di động, có bàn phím màu xanh trắng, nhãn hiệu NOKIA, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K**.

- 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu REDMI, màn hình có vết nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K**.

- 01 xe mô tô BKS: 99F6 - 7376, tại buồng máy có in chữ "SAN YANG MOTO TAI WAN", màu nâu đen, xe cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K**.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen trắng, mặt sau có in chữ HUAWEI; 01 điện thoại di động có bàn phím, màu đen, mặt trước và mặt sau có



chữ NOKIA; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có in chữ OPPO, tất cả đều là điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **Nông Văn T2**.

- 01 quyển vở có dòng kẻ ngang; 01 dao lam thu giữ tại nhà của **Nông Văn T2**.

- 01 điện thoại di động có bàn phím màu xanh đen, mặt trước và mặt sau có in chữ Masstel, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **Nông Văn P**.

+ 01 (Một) phong bì niêm phong bên trong có số tiền: 11.570.000đ, trong đó của **La Văn K**: 200.000đ và của **Nông Văn T2** 11.370.000đ.

\* Số tiền 200.000đ thu giữ của **La Văn K** gồm:

+ 02 tờ mệnh giá 100.000đ có số seri: DW 21103034, DW 21103035.

\* Số tiền 2.370.000đ thu giữ trên người **Nông Văn T2** gồm:

+ 02 tờ mệnh giá 200.000đ có số seri: DG 19269543, SS 19410480;

+ 12 tờ mệnh giá 100.000đ có số seri: SO 20184182, ZO 20019468, PH 19556047, JO 19804966, MK 13533114, FS 10641391, OY 18959726, OY 18956044, PP 16372370, PA 19717429, QT 20313495, OV 18000723;

+ 09 tờ mệnh giá 50.000đ có số seri: MF 20931408, RD 22108082, ZT 17887338, ND 20959642, TU 16695988, WI 17531047, RH 22045315, YD 17230779, TJ 20702388;

+ 13 tờ mệnh giá 20.000đ có số seri: HB 21483373, MS 18910969, HO 18831080, MA 19014062, MD 19412436, MT 22348513, TB 16569509, QK 18362497, UV 22458866, KD 21234415, CE 19965725, XO 20615590, NK 20414237;

+ 06 tờ mệnh giá 10.000đ có số seri: UN 19348574, QQ 20673840, OC 20478100, MG 20148544, KS 18215866, NO 20641758.

\* Số tiền 9.000.000đ thu giữ tại nhà của **Nông Văn T2** gồm:

+ 28 tờ mệnh giá 200.000đ có số seri: PR 21403193, LE 21432457, FO 20132550, PD 21586971, ZZ 18416382, HX 18575624, ZS 21359235, ZH 16014389, PH 16564774, WQ 21975856, IJ 19416158, BG 19714846, UM 18626213, LC 10639764, HU 18501821, MI 10700778, YY 21337687, YR 22396528, DM 22155257, KS 09252597, LA 16941240, **H1**, GL 18116351, WX 19867092, IV 18785281, KS 19283523, ML 19081265, ZF 20532824;

- 28 tờ mệnh giá 100.000đ có số seri: DN 17734455, NR 20684914, LR 16864630, VE 11670215, WM 11517399, LC 19382625, VG 20313751, EH 21647502, HO 19320291, TT 13705776, TI 13995954, YL 20321301, **H2**, SP 20062313, OP 16753487, KT 18024301, UE 21009974, ET 13121859, OZ 18032947, QT 16692750, HR 17555304, PQ 18303553, IC 21702159, IJ 21545842, QG 16727427, UX 21928414, PL 16526016, XR 20157048;

+ 12 tờ mệnh giá 50.000đ có số seri: HD 17880597, EL 12031455, MH 20467045, MC 17762281, XW 17777551, EI 19428612, OX 16908898, XU 17389188, CX 19270290, AV 21100541, HJ 19804247, PG 17460502.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với:

+ **01** phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T136 bên trong phong bì có chứa: Mẫu vật còn lại sau giám định và phong bì, bao gói cũ. Mặt trước phong bì có ghi “Mẫu hoàn trả sau giám định vụ: **La Văn K** (1990) và **Nông Văn T2** (1980) cùng trú tại **N - M - B - Bắc Kạn** mua bán trái phép chất ma túy, mặt sau có 03 chữ ký không đọc được cùng 02 dấu tròn của **Phòng K1 Công an tỉnh B**. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; **01** phong bì ký hiệu M3, mặt trước ghi “Phong bì, giấy cũ thu giữ của **La Văn K**”, mặt sau có 05 (Năm) chữ ký không đọc được, 01 (Một) chữ ký “**Khiêm**” đọc được, 01 dòng chữ “**Nông thị Quế**”, 01 dòng chữ “**La Văn K**”, 01 dòng chữ “**Trần Văn Đ**” và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B**. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn; **01** phong bì ký hiệu K2, mặt trước ghi “Phong bì, giấy cũ thu giữ của **Nông Văn T2**”, mặt sau có 05 (Năm) chữ ký không đọc được, 01 (Một) chữ ký “**Thành**” đọc được, 01 dòng chữ “**Nông Văn T2**”, 01 dòng chữ “**Nông Thị Q**”, 01 dòng chữ “**Trần Văn Đ**” và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B**, tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn; 01 quyển vở có dòng kẻ ngang; 01 dao lam thu giữ tại nhà của **Nông Văn T2** không có giá trị tịch thu tiêu hủy.

+ Tạm giữ 01 điện thoại di động, có bàn phím màu xanh trắng, nhãn hiệu NOKIA, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K** để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu REDMI, màn hình có vết nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K** để hóa giá sung quỹ nhà nước.

+ Tạm giữ 01 xe mô tô BKS: 99F6 - 7376, tại buồng máy có in chữ “SAN YANG MOTO TAI WAN”, màu nâu đen, xe cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K** để hóa giá tịch thu 1/2 giá trị xe để sung quỹ nhà nước, 1/2 giá trị còn lại trả lại cho chị **Nguyễn Thị T1**, trú tại: **Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vợ bị cáo.

+ Tạm giữ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen trắng, mặt sau có in chữ HUAWEI; 01 điện thoại di động có bàn phím, màu đen, mặt trước và mặt sau có chữ NOKIA; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có in chữ OPPO, tất cả đều là điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **Nông Văn T2** để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại 01 điện thoại di động có bàn phím màu xanh đen, mặt trước và mặt sau có in chữ Masstel, điện thoại cũ đã qua sử dụng cho **Nông Văn P**, trú tại: **Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**.

+ Tạm giữ số tiền 200.000đ thu giữ của **La Văn K** gồm: 02 tờ mệnh giá 100.000đ có số seri: DW 21103034, DW 21103035 để đảm bảo thi hành án.



+ Tạm giữ 11.370.000đ của bị cáo **Nông Văn T2** để đảm bảo thi hành án, trong đó có số tiền 2.370.000đ thu giữ trên người và số tiền 9.000.000đ thu giữ tại nhà Nông Văn Thành gồm:

- 02 tờ mệnh giá 200.000đ có số seri: DG 19269543, SS 19410480;

- 12 tờ mệnh giá 100.000đ có số seri: SO 20184182, ZO 20019468, PH 19556047, JO 19804966, MK 13533114, FS 10641391, OY 18959726, OY 18956044, PP 16372370, PA 19717429, QT 20313495, OV 18000723;

- 09 tờ mệnh giá 50.000đ có số seri: MF 20931408, RD 22108082, ZT 17887338, ND 20959642, TU 16695988, WI 17531047, RH 22045315, YD 17230779, TJ 20702388;

- 13 tờ mệnh giá 20.000đ có số seri: HB 21483373, MS 18910969, HO 18831080, MA 19014062, MD 19412436, MT 22348513, TB 16569509, QK 18362497, UV 22458866, KD 21234415, CE 19965725, XO 20615590, NK 20414237;

- 06 tờ mệnh giá 10.000đ có số seri: UN 19348574, QQ 20673840, OC 20478100, MG 20148544, KS 18215866, NO 20641758.

- 28 tờ mệnh giá 200.000đ có số seri: PR 21403193, LE 21432457, FO 20132550, PD 21586971, ZZ 18416382, HX 18575624, ZS 21359235, ZH 16014389, PH 16564774, WQ 21975856, IJ 19416158, BG 19714846, UM 18626213, LC 10639764, HU 18501821, MI 10700778, YY 21337687, YR 22396528, DM 22155257, KS 09252597, LA 16941240, **H1**, GL 18116351, WX 19867092, IV 18785281, KS 19283523, ML 19081265, ZF 20532824;

- 28 tờ mệnh giá 100.000đ có số seri: DN 17734455, NR 20684914, LR 16864630, VE 11670215, WM 11517399, LC 19382625, VG 20313751, EH 21647502, HO 19320291, TT 13705776, TI 13995954, YL 20321301, **H2**, SP 20062313, OP 16753487, KT 18024301, UE 21009974, ET 13121859, OZ 18032947, QT 16692750, HR 17555304, PQ 18303553, IC 21702159, IJ 21545842, QG 16727427, UX 21928414, PL 16526016, XR 20157048;

- 12 tờ mệnh giá 50.000đ có số seri: HD 17880597, EL 12031455, MH 20467045, MC 17762281, XW 17777551, EI 19428612, OX 16908898, XU 17389188, CX 19270290, AV 21100541, HJ 19804247, PG 17460502.

[6] Về hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 điều 251/BLHS đó là “Phạt tiền”, xét thấy đối với bị cáo **La Văn K** tại biên bản xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, cho nên miễn hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo.

Đối với bị cáo **Nông Văn T2** phạt tiền 10.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với số tiền bán ma túy trái phép của các bị cáo trong các ngày 09, 10, 11, 12/7/2023 cần truy thu để sung quỹ nhà nước, cụ thể:

+ Buộc bị cáo **La Văn K** phải nộp lại số tiền bán ma túy trái phép là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

+ Buộc bị cáo **Nông Văn T2** phải nộp lại số tiền bán ma túy trái phép là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

[8] Đối với hành vi mua ma túy về sử dụng của **Nông Văn P** chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan **công an huyện B** đã chuyển đề xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

[9] Về nguồn gốc số ma túy, theo lời khai của bị cáo **Nông Văn T2** về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do bị cáo mua với một người đàn ông ở **huyện T, tỉnh Bắc Ninh**, do bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[10] Đối với chiếc xe mô tô BKS 99F6 - 7376 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo **La Văn K** và bà **Nguyễn Thị T1** việc bị cáo **K** sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội bà **T1** không biết, nên không xem xét xử lý đối với bà **Nguyễn Thị T1** là đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Do gia đình bị cáo **La Văn K** thuộc diện hộ nghèo, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập, bị cáo có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí Tòa án: Bị cáo **La Văn K** được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí. Bị cáo **Nông Văn T2** phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

\* Tuyên bố các bị cáo **La Văn K, Nông Văn T2** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

\* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38/BLHS.

+ Xử phạt bị cáo **La Văn K** 07 (B1) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2023.

\* Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38/BLHS.

+ Xử phạt bị cáo **Nông Văn T2** 08 (T3) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2023.

+ Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo **Nông Văn T2** 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

\* Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS; Điều 29, Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ luật Dân sự:



+ Tịch thu đề tiêu hủy **01** phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T136 bên trong phong bì có chứa: Mẫu vật còn lại sau giám định và phong bì, bao gói cũ. Mặt trước phong bì có ghi “Mẫu hoàn trả sau giám định vụ: **La Văn K** (1990) và **Nông Văn T2** (1980) cùng trú tại **N - M - B - Bắc Kạn** mua bán trái phép chất ma túy, mặt sau có 03 chữ ký không đọc được cùng 02 dấu tròn của **Phòng K1 Công an tỉnh B**. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; **01** phong bì ký hiệu M3, mặt trước ghi “Phong bì, giấy cũ thu giữ của **La Văn K**”, mặt sau có 05 (Năm) chữ ký không đọc được, 01 (Một) chữ ký “**Khiêm**” đọc được, 01 dòng chữ “**Nông Thị Quế**”, 01 dòng chữ “**La Văn K**”, 01 dòng chữ “**Trần Văn Đ**” và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B**. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn; **01** phong bì ký hiệu K2, mặt trước ghi “Phong bì, giấy cũ thu giữ của **Nông Văn T2**”, mặt sau có 05 (Năm) chữ ký không đọc được, 01 (Một) chữ ký “**Thành**” đọc được, 01 dòng chữ “**Nông Văn T2**”, 01 dòng chữ “**Nông Thị Q**”, 01 dòng chữ “**Trần Văn Đ**” và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh B**. Tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn; **01** quyển vở có dòng kẻ ngang; **01** dao lam thu giữ tại nhà của **Nông Văn T2** không có giá trị.

+ Tạm giữ 01 điện thoại di động, có bàn phím màu xanh trắng, nhãn hiệu NOKIA, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K** để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu REDMI, màn hình có vết nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K** để hóa giá sung quỹ nhà nước.

+ Tạm giữ 01 xe mô tô BKS: 99F6 - 7376, tại buồng máy có in chữ “**SAN YANG MOTO TAI WAN**”, màu nâu đen, xe cũ đã qua sử dụng thu giữ của **La Văn K** để hóa giá tịch thu 1/2 giá trị xe để sung quỹ nhà nước, 1/2 giá trị còn lại trả lại cho chị **Nguyễn Thị T1**, trú tại: **Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vợ bị cáo.

+ Tạm giữ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen trắng, mặt sau có in chữ HUAWEI; 01 điện thoại di động có bàn phím, màu đen, mặt trước và mặt sau có chữ NOKIA; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có in chữ OPPO, tất cả đều là điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của **Nông Văn T2** để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại 01 điện thoại di động có bàn phím màu xanh đen, mặt trước và mặt sau có in chữ Masstel, điện thoại cũ đã qua sử dụng cho **Nông Văn P**, trú tại: **Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**.

\* Đối với số tiền bán ma túy trái phép của các bị cáo trong các ngày 09, 10, 11, 12 13/7/2023 cần truy thu để sung quỹ nhà nước, cụ thể:

+ Buộc bị cáo **La Văn K** phải nộp lại số tiền bán ma túy trái phép là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

+ Buộc bị cáo **Nông Văn T2** phải nộp lại số tiền bán ma túy trái phép là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 200.000đ thu giữ của **La Văn K** gồm: 02 tờ mệnh giá 100.000đ có số seri: DW 21103034, DW 21103035 để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ 11.370.000đ của bị cáo **Nông Văn T2** để đảm bảo thi hành án, trong đó có số tiền 2.370.000đ thu giữ trên người và số tiền 9.000.000đ thu giữ tại nhà Nông Văn Thành gồm:

+ 02 tờ mệnh giá 200.000đ có số seri: DG 19269543, SS 19410480;

+ 12 tờ mệnh giá 100.000đ có số seri: SO 20184182, ZO 20019468, PH 19556047, JO 19804966, MK 13533114, FS 10641391, OY 18959726, OY 18956044, PP 16372370, PA 19717429, QT 20313495, OV 18000723;

+ 09 tờ mệnh giá 50.000đ có số seri: MF 20931408, RD 22108082, ZT 17887338, ND 20959642, TU 16695988, WI 17531047, RH 22045315, YD 17230779, TJ 20702388;

+ 13 tờ mệnh giá 20.000đ có số seri: HB 21483373, MS 18910969, HO 18831080, MA 19014062, MD 19412436, MT 22348513, TB 16569509, QK 18362497, UV 22458866, KD 21234415, CE 19965725, XO 20615590, NK 20414237;

+ 06 tờ mệnh giá 10.000đ có số seri: UN 19348574, QQ 20673840, OC 20478100, MG 20148544, KS 18215866, NO 20641758.

+ 28 tờ mệnh giá 200.000đ có số seri: PR 21403193, LE 21432457, FO 20132550, PD 21586971, ZZ 18416382, HX 18575624, ZS 21359235, ZH 16014389, PH 16564774, WQ 21975856, IJ 19416158, BG 19714846, UM 18626213, LC 10639764, HU 18501821, MI 10700778, YY 21337687, YR 22396528, DM 22155257, KS 09252597, LA 16941240, **H1**, GL 18116351, WX 19867092, IV 18785281, KS 19283523, ML 19081265, ZF 20532824;

- 28 tờ mệnh giá 100.000đ có số seri: DN 17734455, NR 20684914, LR 16864630, VE 11670215, WM 11517399, LC 19382625, VG 20313751, EH 21647502, HO 19320291, TT 13705776, TI 13995954, YL 20321301, **H2**, SP 20062313, OP 16753487, KT 18024301, UE 21009974, ET 13121859, OZ 18032947, QT 16692750, HR 17555304, PQ 18303553, IC 21702159, IJ 21545842, QG 16727427, UX 21928414, PL 16526016, XR 20157048;

+ 12 tờ mệnh giá 50.000đ có số seri: HD 17880597, EL 12031455, MH 20467045, MC 17762281, XW 17777551, EI 19428612, OX 16908898, XU 17389188, CX 19270290, AV 21100541, HJ 19804247, PG 17460502.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa **Công an huyện B** với Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bể ngày 30/11/2023*).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí Tòa án: Bị cáo **La Văn K** được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.



Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí. Bị cáo **Nông Văn T2** phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo; Người Bào chữa;
- Người có QLNVLQ.
- Người làm chứng.
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn thư.

**Phạm Thế Hùng**